

Số: /TTr-UBND

Đắk Hà, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v xin phê chuẩn phương án phân bổ dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà, kỳ họp thứ 7,
khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông báo số 46/TB-HĐND ngày 27/10/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà về nội dung, thời gian tổ chức kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa VI nhiệm kỳ 2020-2025 (Quy chế số 05-QC/HU ngày 14/4/2023);

Trên cơ sở phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2024. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà kính trình Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp thứ 7, khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

2. Luật ngân sách Nhà nước số 85/2015/QH13 ngày 25/06/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

3. Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025;

4. Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

5. Văn bản số 2027/UBND-KTTH ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

6. Công văn số 2641/STC-QLNS ngày 20/7/2023 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum về việc triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính và NSNN 03 năm 2024-2026;

7. Số liệu thảo luận dự toán với Liên ngành: Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cục Thuế tỉnh Kon Tum.

II. NỘI DUNG

1. Dự toán tỉnh giao (số liệu dự kiến).

1.1 Dự toán thu ngân sách.

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024: 655.989 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện và xã hưởng: 592.028 triệu đồng, cụ thể:

- Thu cân đối ngân sách trên địa bàn: 151.900 triệu đồng, ngân sách huyện và xã hưởng: 87.940 triệu đồng, sau khi loại trừ thu tiền sử dụng đất là: 70.340 triệu đồng (*giảm 8.416 triệu đồng so với dự toán năm 2023*).

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 504.089 triệu đồng (*bổ sung cân đối: 403.517 triệu đồng, bổ sung có mục tiêu: 17.722 triệu đồng, Chương trình MTQG: 82.850 triệu đồng*).

1.2 Dự toán chi ngân sách.

Chi cân đối ngân sách địa phương: 592.028 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: 39.135 triệu đồng. Trong đó: Chi đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung: 14.510 triệu đồng, nguồn cân đối ngân sách địa phương: 27.265 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 456.631 triệu đồng, tăng 22.409 triệu đồng so với dự toán năm 2023 (*Các chế độ chính sách tính theo lương cơ sở 1,8 triệu đồng*).

- Dự phòng ngân sách: 10.200 triệu đồng.

- Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên vốn sự nghiệp: 3.212 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia: 82.850 triệu đồng

2. Dự toán huyện giao (trên cơ sở số liệu dự kiến tỉnh giao).

2.1 Dự toán thu ngân sách.

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024: 658.989 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện và xã hưởng: 594.668 triệu đồng, cụ thể:

- Thu cân đối ngân sách trên địa bàn: 154.900 triệu đồng, ngân sách huyện và xã hưởng: 90.580 triệu đồng (*tăng 3.000 triệu đồng thu tiền sử dụng đất so với dự toán tỉnh giao*), sau khi loại trừ thu tiền sử dụng đất là: 70.340 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 504.089 triệu đồng (*bổ sung cân đối: 403.517 triệu đồng, bổ sung có mục tiêu: 17.722 triệu đồng, Chương trình MTQG: 82.850 triệu đồng*).

(Chi tiết tại phụ biểu 15-16/NĐ31 kèm theo)

2.2 Dự toán chi ngân sách.

Chi cân đối ngân sách địa phương: 594.668 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: 27.265 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 456.631 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 10.200 triệu đồng.
- Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên: 100.572 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu 17/NĐ31 kèm theo)

3. Định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2024.

3.1 Tiêu chí:

- Căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, biên chế có mặt thực tế tại đơn vị. Áp dụng hệ số bổ sung theo tính chất hoạt động và theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị.

- Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo số biên chế, các đơn vị được phân bổ kinh phí để đảm bảo tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định và kinh phí để đảm bảo các nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị.

- Dự toán chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:

+ Số biên chế được giao năm 2024 (*trường hợp chưa được giao biên chế năm 2024 thì xác định bằng số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao đến thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2023*), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế giao.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (*tính đủ 12 tháng*) do NSNN đảm bảo: Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2023, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (*nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao*), tính trên cơ sở lương 1.800.000 đồng/tháng và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; Giảm quỹ tiền lương đối với các trường hợp phải tiếp tục tinh giản biên chế (*nếu có*).

- Trong năm, tùy thuộc vào điều kiện của ngân sách địa phương Ủy ban nhân dân huyện bổ sung kinh phí hoạt động ngoài dự toán cho những nhiệm vụ cấp bách, đột xuất phát sinh như phục vụ công tác an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh...; không bổ sung kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán.

- Đối với đơn vị có thu, phân bổ theo phương thức lấy thu bù chi, cân đối bổ sung một phần ngân sách cho những hoạt động sự nghiệp lớn như dịch vụ tiêu thu nước sinh hoạt, dịch vụ cũng cấp mặt bằng tại chợ, dịch vụ giết mổ tập trung...

- Thực hiện giảm chi 2,5% trên tổng số dự toán chi thường xuyên năm 2023 của từng đơn vị sự nghiệp công lập (*trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp*) theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

3.2 Định mức phân bổ:

a. Đối với các cơ quan quản lý hành chính thuộc huyện.

- Đơn vị dưới 5 biên chế: Phân bổ 32 triệu đồng/1biên chế/năm.

- Đơn vị từ 5 biên chế trở lên: Phân bổ 30 triệu đồng/1biên chế/năm.

- Hệ số bổ sung:

+ Các đơn vị: Văn phòng Huyện ủy (*không bao gồm biên chế Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy*); Văn phòng HĐND-UBND: 2,0.

+ Các đơn vị: Phòng Tài nguyên - Môi trường, phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch: 1,5.

+ Các đơn vị: Phòng Lao động TB&XH; Thanh tra huyện; Phòng Dân tộc; Phòng Nông nghiệp và PTNT; Trung tâm Chính trị: 1,3.

b. Đối với các đơn vị sự nghiệp:

- Đối với đơn vị dưới 5 biên chế: Phân bổ 32 triệu đồng/1biên chế/năm.

- Đối với đơn vị từ 5 biên chế trở lên: Phân bổ 30 triệu đồng/1biên chế/năm.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX: 11 triệu đồng/1biên chế/năm.

c. Đối với UBND các xã, thị trấn: Ngân sách huyện bố trí bổ sung cân đối và phân điều tiết, đảm bảo nhiệm vụ chi theo chế độ hiện hành và các hoạt động tại xã, thị trấn cụ thể như sau:

- Quỹ lương và phụ cấp của cán bộ xã, thị trấn thực hiện theo mức lương tối thiểu 1.800.000 đồng; phụ cấp cán bộ vùng khó khăn theo Nghị định 76/2019/NĐCP, phụ cấp công vụ theo Nghị định 34/NĐ-CP, Quy định chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết 36/2020/NQ-HĐND ngày 16/7/2020; Nghị quyết 55/2021/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, Nghị quyết 16/2018/NQ-HĐND, ngày 19/7/2018 của tỉnh Kon Tum...

- Chi thường xuyên phân bổ 31 triệu đồng/1biên chế/năm (*bao gồm kinh phí hỗ trợ một số chế độ chi tiêu hoạt động của HĐND, MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội xã*). Chi thường xuyên tính trên biên chế được giao theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ; Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

d. Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, đào tạo bồi dưỡng; thông tin,

tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào theo nhiệm vụ, kế hoạch của cơ quan (*trừ đoàn ra, đoàn vào theo chủ trương, kế hoạch riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt*); vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan; các khoản chi hành chính khác phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, hoạt động chuyên môn bộ máy các cơ quan, đơn vị.

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; sửa chữa nhỏ xe ô tô; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh, cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn, định mức quy định của cấp có thẩm quyền.

- Các nhiệm vụ thường xuyên khác theo quy định.

e. Ngoài ra, phân bổ kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù của từng đơn vị, địa phương. Căn cứ nhiệm vụ được cấp so thẩm quyền giao, nhu cầu kinh phí theo khối lượng công việc, dự toán các đơn vị đề nghị, chế độ, định mức quy định hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách để phân bổ cho phù hợp với từng nhiệm vụ. Một số nhiệm vụ phát sinh không thường xuyên khác khi được cơ quan có thẩm quyền cho chủ trương, quyết định.

f. Đối với các đơn vị trường học:

Kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo phân bổ 100% chi cho sự nghiệp giáo dục. Định mức phân bổ chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục phân bổ phù hợp với tình hình thực tế địa phương, theo cơ chế giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên (*ngoài quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương*) tối thiểu 15% (*bao gồm cân đối nguồn thu sự nghiệp, thu phí được để lại đơn vị theo quy định*); Trong đó phân bổ trực tiếp cho các đơn vị trường học từ 24,5 – 25,5 triệu đồng/người/năm, phần kinh phí còn lại phân bổ thực hiện cho các đề án, chính sách do Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và một số nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập của ngành theo quy định (bao gồm mua sắm, sửa chữa trang thiết bị...), cụ thể:

- Đối với các trường có hệ số phụ cấp khu vực dưới 0,5 định mức phân bổ: 24,5 triệu đồng/người/năm.

- Đối với các trường có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,5 trở lên phân bổ: 25,5 triệu đồng/người/năm.

Định mức phân bổ chi thường xuyên trên đã bao gồm: Kinh phí chi trả chế độ cho giáo viên thể dục, kinh phí nâng bậc lương hằng năm của giáo viên, kinh phí hướng dẫn giáo viên tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lại bậc lương viên chức, kinh phí phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi cho giáo viên do điều chỉnh phân công chuyên môn, kinh phí đào tạo nâng chuẩn cho giáo viên và các nhiệm vụ thường xuyên phục vụ dạy và học. Các đơn vị trường học phải bố trí tối thiểu 20% kinh phí chi thường xuyên để chi tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ và mua sắm các tài sản, công cụ dụng cụ tại trường

g. Giao tiết kiệm 10% chi thường xuyên của các đơn vị dự toán năm 2024. Phần kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được để tạo nguồn thực hiện CCTL, tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định.

h. Dự phòng ngân sách phân bổ 2% trên tổng chi ngân sách (*loại trừ chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên*).

(Chi tiết tại Phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp huyện năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà kỳ họp thứ 7, khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (Trình);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Kinh tế - xã hội HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hà Tiến